

QUY ĐỊNH

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ²⁵¹⁶ /QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên (SV) các khoá đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 2. Chương trình đào tạo, chương trình chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo đại học, cao đẳng (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Chương trình chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Quảng Bình quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, tối đa của mỗi chương trình đào tạo tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

Căn cứ vào khối lượng kiến thức của các chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo quy định số học phần và các hoạt động khác cho từng học kỳ, từng năm học.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho SV tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc SV phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng SV được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của SV. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ SV phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho SV, đánh giá kết quả tự học của SV và số giờ tiếp xúc SV ngoài giờ lên lớp.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian giảng dạy trên lớp của Trường được tính từ 7 giờ đến 21 giờ hằng ngày, cụ thể được phân bố như sau:

SÁNG		CHIỀU		TỐI
Tiết 1	Từ 7h00 đến 7h50	Tiết 6	Từ 13h00 đến 13h50	Từ 19h đến 21h
Tiết 2	Từ 7h50 đến 8h40	Tiết 7	Từ 13h50 đến 14h40	
Nghỉ giữa buổi (10 phút)				
Tiết 3	Từ 8h50 đến 9h40	Tiết 8	Từ 14h50 đến 15h40	
Tiết 4	Từ 9h40 đến 10h30	Tiết 9	Từ 15h40 đến 16h30	
Nghỉ giữa buổi (10 phút)				
Tiết 5	Từ 10h40 đến 11h30	Tiết 10	Từ 16h40 đến 17h30	

S

Tuỳ theo số lượng SV, số lớp học cần tổ chức giảng dạy và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, Trường phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp trong khoảng thời gian trên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của SV được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà SV đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà SV đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà SV đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ

a) Khóa học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một chương trình cụ thể.

Tuỳ thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:

Trình độ đào tạo	Đối tượng tuyển sinh	Thời gian đào tạo (năm)	Khối lượng kiến thức tối thiểu (TC)	Khối lượng kiến thức tối đa (TC)	Thời gian kéo dài tối đa (năm)
Đại học	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	4	132	140	6
		5	145	150	8
	Liên thông từ CĐ	1,5 đến 2	47	53	2,5 đến 3
	Liên thông từ TCCN cùng ngành đào tạo	2,5 đến 3	68 đến 85	88 đến 105	3,5 đến 4
Cao đẳng	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	3	95	115	5

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học hè để SV có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại Khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khóa học 5 năm.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn định về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học


1. Để được nhận vào học ở Trường đại học Quảng Bình, SV phải nộp cho Nhà trường đầy đủ những giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành đã được ghi chi tiết trong giấy báo nhập học của Trường. Tất cả những giấy tờ trên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Phòng Đào tạo và Phòng Công tác SV quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, căn cứ vào danh sách trúng tuyển Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận danh sách lớp "sinh hoạt" và cấp cho SV:

a) Thẻ SV;

b) Sổ tay SV: trong đó cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung và kế hoạch học tập toàn khoá của các chương trình đào tạo, quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học;

c) Sổ tay đăng ký học tập (theo học kỳ): thông báo cho SV về thời khoá biểu dự kiến, danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần và số lớp dự kiến giảng dạy trong học kỳ, thời gian biểu và điều kiện để đăng ký học các học phần đó, thời gian thi, kiểm tra,...

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày ghi trong giấy báo nhập học được xử lý theo quy định tại Quy định tuyển sinh. 

Điều 8. Sắp xếp SV vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những trường hợp xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được Trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký dự thi.

2. Đối với những trường hợp xác định điểm trúng tuyển theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển sẽ được sắp xếp ngành học như sau:

a) Căn cứ vào kết quả thi tuyển sinh và vào nguyện vọng đăng ký dự thi của thí sinh, Nhà trường sắp xếp các thí sinh vào học đúng ngành đào tạo đã đăng ký dự thi theo điểm thi từ cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

b) Các thí sinh còn lại sẽ được đăng ký 2 ngành học mới theo thứ tự ưu tiên. Căn cứ vào kết quả thi tuyển sinh và nguyện vọng đăng ký của thí sinh, Nhà trường sẽ sắp xếp các thí sinh vào học một trong các ngành đã đăng ký theo thứ tự ưu tiên. Trường hợp không thể xếp thí sinh vào học theo cả 2 nguyện vọng đã đăng ký thì Trường sẽ xếp thí sinh vào học một trong các ngành còn chỉ tiêu của trường.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Các SV khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp sinh hoạt, sau đó là lớp học phần.

1. Lớp sinh hoạt: Lớp sinh hoạt được tổ chức theo khoá tuyển sinh của ngành đào tạo. Lớp sinh hoạt duy trì trong cả khoá học, có mã số, có hệ thống cán bộ lớp, cán bộ đoàn, hội SV và giảng viên chủ nhiệm riêng.

2. Lớp học phần: Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa vào kết quả đăng ký khối lượng học tập của SV ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần có thời khoá biểu, lịch thi,... và mã số riêng.

Số SV tối thiểu của mỗi lớp học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ và tùy theo điều kiện cụ thể của Nhà trường. Nếu số lượng SV đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định, lớp học phần sẽ không được tổ chức và SV phải đăng ký chuyển sang học những lớp học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức (số tín chỉ) tối thiểu phải đăng ký học trong học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo dự kiến lịch trình học cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần dự kiến sẽ dạy, danh sách giảng viên giảng dạy tại các lớp, chương trình chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.



2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, từng SV với sự hướng dẫn của giảng viên chủ nhiệm phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ với Phòng Đào tạo tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân. Thời gian đăng ký các học phần được quy định như sau:

a) Đăng ký bình thường, được thực hiện trước thời điểm bắt đầu mỗi học kỳ 2 tuần;

b) Đăng ký muộn, được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những SV muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu: trong một học kỳ mỗi SV phải đăng ký học tối thiểu:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những SV được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những SV đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với SV ở học kỳ hè.

4. Khối lượng học tập tối đa:

a) SV đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ;

b) Không hạn định khối lượng đăng ký học tập tối đa của những SV xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.


6. Khối lượng đăng ký học tập của SV theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do Phòng Đào tạo của Trường lưu giữ.

7. Thời hạn đăng ký khối lượng học tập của học kỳ (thời gian bắt đầu và kết thúc) do Phòng Đào tạo quy định. Sau thời hạn này, nếu SV không hoàn thành việc đăng ký thì coi như đã tự ý bỏ học và bị xoá tên khỏi danh sách lớp học phần.

Điều 11. Rút bớt các học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần so với khối lượng đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần lễ kể từ đầu học kỳ chính, 1 tuần lễ kể từ đầu học kỳ hè và không được muộn quá 3 tuần lễ đối với học kỳ chính, 2 tuần lễ đối với học kỳ hè. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu SV không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Việc xin bổ sung hoặc rút bớt khối lượng các học phần đã đăng ký ở đầu mỗi học kỳ được giải quyết trên cơ sở các điều kiện sau:

a) SV phải viết đơn gửi Phòng Đào tạo của Trường; 

b) Phải được Giảng viên chủ nhiệm, Trưởng khoa chấp thuận;

c. Không vi phạm Khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

Chỉ sau khi Giảng viên phụ trách nhận được giấy báo của Phòng Đào tạo, SV mới được phép đến dự hoặc bỏ lớp đối với các học phần xin học thêm hoặc rút bớt.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. SV có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. SV có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này, SV được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 13. Nghỉ ốm

SV xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi phải viết đơn xin phép gửi Trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của y tế Trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện. Trưởng khoa chuyển đến Phòng Đào tạo, Nhà trường (thông qua Phòng Đào tạo) sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể để giải quyết.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy được, tùy thuộc vào tổng khối lượng kiến thức và thời gian thực hiện các chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này, SV được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Xếp hạng năm đào tạo	Khối lượng kiến thức tích lũy
SV năm thứ nhất	< 30 tín chỉ
SV năm thứ hai	Từ 30 đến < 60 tín chỉ
SV năm thứ ba	Từ 60 đến < 90 tín chỉ
SV năm thứ tư	Từ 90 đến < 138 tín chỉ
SV năm thứ năm	Từ 138 đến < 155 tín chỉ

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung, SV được xếp hạng về học lực như sau:

a) *Hạng bình thường*: Nếu điểm trung bình chung đạt từ 2,00 trở lên.

b) *Hạng yếu*: Nếu điểm trung bình chung đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập ở học kỳ hè được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ hè đó để xếp hạng SV về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. SV được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân: Trường hợp này, SV phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

2. SV nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của SV được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với SV năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với SV năm thứ hai, dưới 1,60 đối với SV năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với SV các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;


c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Tùy theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của SV và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, SV bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Hiệu trưởng;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách SV của Trường. 

3. Chậm nhất là một tháng sau khi SV có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại Trường SV vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những SV thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các Điểm a, b Khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho SV có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và SV không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình SV học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với SV học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, SV được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. SV chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. SV được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc SV có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà SV đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. SV không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) SV đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) SV thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) SV năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) SV đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) SV xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có SV xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của SV, công nhận các học phần mà SV chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường SV xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III


KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần. 

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những SV không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Bảo quản các bài thi tại các Bộ môn, việc chấm thi phải do hai giảng viên thực hiện theo quy trình chấm độc lập tại văn phòng Khoa. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo của Trường (bản chính), chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. SV vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những SV này khi được Nhà trường cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

6. SV vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Nhà trường cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt

trong kỳ thi phụ những SV này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10)	Giỏi
B (7,0 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà SV đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó SV được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở Khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp SV vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, SV bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép và Phòng Đào tạo chấp nhận;

b) SV không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa cho phép và Phòng Đào tạo chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, SV nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp SV chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của SV từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp SV học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi SV chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4
B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực SV và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa, các SV được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án tốt nghiệp áp dụng cho các khối ngành kỹ thuật của bậc đại học. Làm khóa luận tốt nghiệp áp dụng cho SV các khối ngành khác đạt được các quy định của Trường.

b) Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng tương đương với 10 tín chỉ cho trình độ đại học (5 năm), 8 tín chỉ cho trình độ đại học (4 năm) và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng (3 năm).

c) Học và thi một số học phần chuyên môn: SV không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và không tham gia thi cuối khóa hoặc bảo vệ đồ án, khóa luận và thi cuối khóa không đạt, có thể đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình. Khối lượng các học phần này không dưới 7 tín chỉ đối với trình độ đại học và 4 tín chỉ đối với trình độ cao đẳng.

d) Riêng SV bậc cao đẳng thuộc khối ngành kỹ thuật, có thể áp dụng hình thức thi cuối khóa dưới dạng giải quyết các nhiệm vụ kỹ thuật cụ thể và bảo vệ kết quả trước Hội đồng thi do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

đ) SV chỉ được bảo vệ đồ án, khóa luận, thi kết thúc các học phần thay thế, thi cuối khóa khi đã hoàn thành các học phần quy định của chương trình đào tạo theo chuyên ngành đào tạo của mình.

2. Tùy theo điều kiện của Trường và đặc thù của từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:

a) Điều kiện để SV được đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp: SV được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm đăng ký làm đồ án, khóa luận đạt từ 2.50 điểm trở lên; tích lũy đủ tối thiểu 85 tín chỉ đối với cao đẳng, 115 tín chỉ đối với đại học (tùy theo đặc thù của từng ngành đào tạo để Hiệu trưởng có quy định riêng);

- Cho đến thời điểm xét làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, SV không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Còn thời gian học tập quy định tại Điều 6 Quy định đào tạo hiện hành đủ để hoàn thành đồ án, khóa luận;

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;

- Đồ án, khóa luận thực hiện trong học kỳ cuối;

- Mỗi đề án, khóa luận do một hoặc hai SV thực hiện, các đề tài không được trùng lặp với đề tài đã hoặc đang được thực hiện;

- Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải có nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát, để SV hoàn thành đề án, khóa luận tốt nghiệp, trên cơ sở đề xuất của bộ môn, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

c) Điều kiện, nhiệm vụ của Giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với SV trong thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp.

- Người hướng dẫn SV làm đề án, khóa luận tốt nghiệp phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có uy tín khoa học, có thời gian giảng dạy đại học, cao đẳng ít nhất ba năm trở lên. Trong mỗi năm học, hướng dẫn không quá 5 đề tài đối với người có trình độ thạc sĩ, không quá 8 đề tài đối với người có trình độ tiến sĩ;

- Người hướng dẫn SV làm đề án, khóa luận tốt nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn và giải quyết các vấn đề vướng mắc cho SV từ lúc có quyết định cử hướng dẫn đến lúc hoàn thành đề án, khóa luận.

- Trách nhiệm của bộ môn đối với SV trong thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp: Giới thiệu Giảng viên hướng dẫn SV làm đề án, khóa luận; giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn trong quá trình thực hiện đề án, khóa luận.

- Trách nhiệm của khoa đối với SV trong thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp: Chậm nhất là 15 ngày trước khi bắt đầu học kỳ cuối khóa, khoa lập danh sách SV đăng ký làm đề án, khóa luận kèm đề nghị Giảng viên hướng dẫn nộp cho Phòng Đào tạo để làm quyết định cho phép SV được làm đề án, khóa luận và quyết định cử Giảng viên hướng dẫn; giải quyết các vấn đề vướng mắc cho SV trong quá trình thực hiện đề án, khóa luận.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để SV hoàn thành đề án, khóa luận tốt nghiệp, Trường có thể bố trí thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

Điều 25. Chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp

1. Chấm khóa luận và đề án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 3 hoặc 5 hoặc 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

a) Thành viên của Hội đồng là Giảng viên của Trường hoặc có thể mời những người có trình độ chuyên môn phù hợp ở ngoài Trường;

b) Điểm đánh giá khóa luận và đề án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên Hội đồng, của người phản biện và người hướng dẫn (gọi chung

là các điểm thành phần). Các điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 có phần lẻ đến 0.5. Điểm đánh giá cuối cùng lấy phần lẻ đến 0.1 (1 số lẻ thập phân) và được quy đổi sang thang điểm chữ theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Quy định này;

c) Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi theo hình thức vấn đáp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi thi. Kết quả thi viết phải được công bố chậm nhất là 3 tuần sau khi thi;

d) Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học;

đ) SV có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp ở các học kỳ kế tiếp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế như đã quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Quy định này.

2. Tổ chức học, thi các học phần thay thế cuối khoá được thực hiện giống như các học phần bình thường quy định trong Quy định này.

Điều 26. Thực tập cuối khoá và điều kiện tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Kiến trúc, Thể dục - Thể thao, Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khoá; hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của Trường.

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những SV có đủ các điều kiện sau thì được Trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

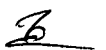
b) Tích lũy đủ số học phần bắt buộc của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 và Khoản 1 Điều 6 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về thể dục - thể thao.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp.



Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng CTSV.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những SV đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của những SV có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:


a) Có khối lượng của các học phần phải học lại (kể cả học cải thiện điểm) và thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Mỗi SV khi tốt nghiệp được cấp hai bảng điểm ghi kết quả học tập theo từng học phần, một bảng điểm theo thang điểm 10 và một bảng điểm theo thang điểm chữ. Trong bảng điểm phải ghi rõ chuyên ngành (chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của SV thỏa mãn những quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì SV được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. SV còn nợ chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. SV không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những SV này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Quy định này. 

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với SV vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy định, SV sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. SV đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với SV vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

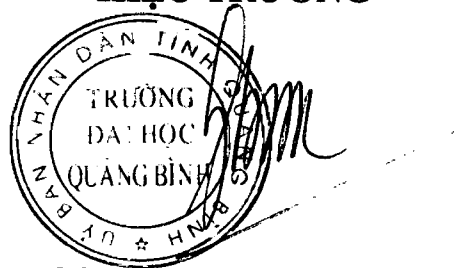
Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này đến tất cả các khóa đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trong toàn Trường.

2. Các Đơn vị trong Nhà trường (Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm) có trách nhiệm phối hợp với Phòng Đào tạo triển khai thực hiện Quy định nghiêm túc và hiệu quả.

3. Định kỳ các Đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá, phát hiện những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo về Phòng Đào tạo để kịp thời bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của Trường.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hoàng Dương Hùng